

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/DS-ST**

Ngày: 14/8/2019

*V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Hưng Quang

2. Bà: Trần Thị Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐHPT- DS, ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Thị A, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: số 334, xóm 9, thôn M3, xã M, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: bà Phan Thị B, sinh năm: 1971 (có mặt).

ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 308, xóm 9, thôn M3, xã M, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 334, xóm 9, thôn M3, xã M, huyện W, tỉnh Bình Thuận (ông Nguyễn Văn D ủy quyền cho bà Hồ Thị A, theo giấy ủy quyền ngày 29/5/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị A trình bày:

-Ngày 24/6/2017 (âm lịch) bà Phan Thị B có vay của bà số tiền 25.000.000đồng. Việc vay tiền có làm biên nhận bằng tờ “giấy mượn tiền”, có chữ ký xác nhận của bà B. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, lãi trả hàng tháng. Đối với khoảng vay này bà B trả lãi được 05 tháng (từ tháng 7/2017 đến tháng 11/2017 âm lịch) với số tiền là: 3.750.000đồng.

Ngày 10/12/2017 (âm lịch), bà Phan Thị B tiếp tục vay tiền của bà với số tiền 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*). Lãi suất vay là 3%/ tháng. Khoản vay này bà viết tiếp phía dưới trong tờ giấy mượn tiền của ngày 24/6/2017 (âm lịch) nhưng không có chữ ký xác nhận của bà B, khoản vay này bà B trả lãi được 03 tháng (từ tháng 01 đến tháng 3/2017 âm lịch) với số tiền là: 450.000đồng.

Tổng số tiền bà Phan Thị B vay tiền của bà là 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*). Khi bà cho bà B vay hai khoản tiền trên, bà và bà B thỏa thuận bằng miệng về lãi suất và thời hạn trả nợ, khi nào cần thì lấy lại số tiền vốn vay chứ không ghi cụ thể vào biên nhận.

- Ngoài việc vay tiền, vào ngày 15/01/2018 (âm lịch), bà Phan Thị B có tham gia chơi dây hụi do bà làm chủ. Hụi khai ngày 15/01/2018 âm lịch, mãn ngày 15/11/2018 âm lịch, hụi khai một lần/ tháng. Dây hụi gồm 11 phần, mỗi phần trị giá 5.000.000đồng/phần. Vào ngày 15/03/2018 âm lịch (vào lần thứ 3) bà B hốt hụi và đã nhận đủ số tiền choàng hụi. Sau khi hốt hụi bà B đóng thêm 01 phần hụi chết vào tháng 4/2018 âm lịch rồi ngưng cho đến nay, còn nợ lại 07 phần hụi chết bà B chưa đóng với số tiền là: 07 phần hụi chết x 5.000.000đồng/phần = 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*).

- Đến tháng 5 năm 2018 (âm lịch), hay tin bà Phan Thị B vỡ nợ, bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn C phải thanh toán số nợ cho bà nhưng vợ chồng bà B chỉ hứa hẹn, không thực hiện. Nhận thấy vợ chồng bà Phan Thị B thực hiện không đúng lời hẹn nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn C trả cho bà số nợ tiền hụi là 35.000.000đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) và 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*) tiền vay, không yêu cầu trả lãi suất.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 5.000.000 đồng theo biên nhận ngày 10/12/2017; Không yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng với bà Phan Thị B trả tiền nợ. Nguyên đơn cho lại bị đơn B một phần nợ gốc tiền vay 10.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà Phan Thị B phải trả số tiền vay còn lại là 15.000.000đồng và tiền hụi là 35.000.000đồng. Như vậy tổng số tiền bị đơn Phan Thị B phải trả cho nguyên đơn là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Số tiền nguyên đơn cho bà B vay và số tiền hụi bà B còn nợ của nguyên đơn là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn bà Hồ Thị A, ông Nguyễn Văn D. Nên nay, bà Hồ Thị A yêu cầu bà Phan Thị B phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà tổng số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn bà Phan Thị B trình bày:*

- Trong quá trình giải quyết, bà B xác nhận vào năm 2017 âm lịch (không nhớ ngày tháng cụ thể) bà có vay tiền của bà Hồ Thị A với số tiền 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), vay không thời hạn, lãi suất vay 30%/tháng nhưng bà trả lãi hàng ngày, mỗi ngày bà trả lãi cho A số tiền 250.000 đồng, bà trả lãi được khoảng 01 năm. Do lãi suất quá cao nên vào ngày 15/03/2018 âm lịch, bà hốt dây hụi mà bà tham gia chơi hụi do bà A làm chủ hụi. Sau khi hốt hụi, bà trả hết số nợ vay 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) cho bà A. Việc bà B vay tiền, trả lãi và gốc cho bà A không làm giấy tờ biên nhận, không ai chứng kiến và bà không đồng ý trả khoảng vay 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Còn phần tiền hụi: bà thống nhất việc bà có tham gia chơi dây hụi do bà A làm chủ hụi. Hụi khai ngày 15/01/2018 âm lịch, mãn ngày 15/11/2018 âm lịch. Sau khi hốt hụi vào tháng 3/2018 âm lịch, bà có đóng thêm 01 phần hụi chết với số tiền 5.000.000đồng, còn lại 07 phần hụi chết (07 phần x 5.000.000đồng/phần= 35.000.000

đồng) bà chưa đóng cho bà A. Nay, bà thừa nhận còn nợ tiền hui với số tiền 35.000.000đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) như lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý trả khoản nợ tiền hui cho cho vợ chồng bà Hồ Thị A. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn nên bà B yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi dứt nợ.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông và bà B sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sự việc bà Phan Thị B có vay tiền hoặc tham gia chơi hui của bà Hồ Thị A hay không ông không hề hay biết, bà B cũng không nói với ông. Đến khi Tòa án mời ông đến giải quyết sự việc thì ông C mới biết việc bà B nợ tiền bà A. Nợ là do bà B tự ý vay mượn mà không bàn bạc với ông hơn nữa bà B vay mượn tiền bà A để cho những người khác mượn lại và họ giật nợ nên bà B hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ. Ông không đồng ý cùng bà B có trách nhiệm trả nợ cho bà A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:* ông thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị A (vợ ông).

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu:*

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gọi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, do nguyên đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Phan Thị B trả số tiền vay 5.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 10/12/2017 và rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng với bà Phan Thị B trả tiền nợ cho bà Hồ Thị A. Nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này. Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn buộc bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Hồ Thị A, ông Nguyễn Văn D số tiền 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) trong đó số tiền nợ hui là 35.000.000đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền vay là 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*) là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Hồ Thị A khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn C hoàn trả cho nguyên đơn số nợ tiền vay và số nợ tiền hui. Bị đơn bà Phan Thị B, ông Nguyễn Văn C có cùng địa chỉ cư trú tại số 308, xóm 9, thôn M3, xã M, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

[2] Tại phiên tòa, Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông C.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 5.000.000đồng theo biên nhận ngày 10/12/2017 (âm lịch) và không yêu cầu ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cùng bà B trả tiền nợ cho nguyên đơn. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phan Thị B trả khoản vay 5.000.000đồng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng bà Phan Thị B trả tiền nợ cho nguyên đơn bà Hồ Thị A.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui” của bà Hồ Thị A đối với bà Phan Thị B.

Hội đồng xét xử nhận thấy: trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị A và bà Phan Thị B đều thống nhất với nhau về việc bà B có tham gia chơi dây hui do bà A làm chủ. Hui khai ngày 15/01/2018 âm lịch, mãn ngày 15/11/2018 âm lịch, hui khai một lần/tháng. Dây hui gồm 11 phần, mỗi phần trị giá 5.000.000đồng/phần. Vào ngày 15/03/2018 âm lịch bà B hốt hui và đã nhận đủ số tiền. Sau khi hốt hui bà B đóng thêm 01 phần hui chết vào tháng 4/2018 âm lịch rồi ngưng cho đến nay, còn nợ lại 07 phần hui chết bà B chưa đóng với số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bà B thừa nhận hiện bà còn nợ tiền hui của bà A với số tiền 35.000.000đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) và đồng ý hoàn trả số tiền này. Nên có căn cứ chấp nhận buộc bà Phan Thị B hoàn trả số tiền hui còn nợ là 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) cho vợ chồng bà Hồ Thị A.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Hồ Thị A đối với bà Phan Thị B.

Để chứng minh cho yêu cầu của bà A là có căn cứ và hợp pháp, bà A có xuất trình tại tòa giấy mượn tiền ngày 24/6/2017, thể hiện bà B có vay bà A với số tiền 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) có chữ ký của bà B. Bà B không thừa nhận việc bà có ký xác nhận vào giấy mượn tiền do bà A xuất trình nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà B lại thừa nhận vào năm 2017 âm lịch (không nhớ rõ ngày tháng cụ thể) bà có vay tiền của bà Hồ Thị A với số tiền 25.000.000đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bà B không thừa nhận ký vào giấy mượn tiền nhưng bà B lại thừa nhận vào năm 2017 âm lịch bà có vay tiền của bà Hồ Thị A với số tiền 25.000.000đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó có căn cứ để xác định giao dịch dân sự giữa bà Hồ Thị A và bà Phan Thị B là có thật. Giao dịch do các bên hoàn toàn tự nguyện xác lập và thực hiện nên được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị A và bà Phan Thị B thống nhất về số tiền vay giữa hai bên là 25.000.000đồng và giữa các bên thỏa thuận được với nhau: nguyên đơn tự nguyện cho lại bị đơn B một phần nợ gốc 10.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà B phải trả số tiền vay còn lại là 15.000.000đồng, bị đơn bà Phan Thị B đồng ý trả số tiền vay 15.000.000đồng theo yêu cầu của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các bên, buộc bà Phan Thị B trả số tiền vay 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*) cho vợ chồng bà Hồ Thị A.

[4] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về phương thức thanh toán nợ: Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị B yêu cầu được trả dần số nợ cho nguyên đơn theo phương thức hàng tháng trả 1.000.000đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không công nhận phương thức thanh toán nợ mà buộc bà Phan Thị B thanh toán số tiền nợ theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Phan Thị B phải nộp $5\% \times 50.000.000\text{đồng} = 2.500.000\text{đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 92; Điều 144; Điều 146; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 235; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Phan Thị B trả số tiền vay 5.000.000đồng (theo biên nhận ngày 10/12/2017) và yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm cùng với bà Phan Thị B trả số tiền nợ cho nguyên đơn bà Hồ Thị A.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị A về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội*”

Buộc bà Phan Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Hồ Thị A, ông Nguyễn Văn D tổng số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) trong đó tiền hội là 35.000.000đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền vay là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả được xác định bằng 10%/năm nếu không có thỏa thuận mức lãi suất, nếu có thỏa thuận mức lãi suất thì không quá 20%/năm tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị B phải nộp 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị A không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị A số tiền 1.700.000đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025877 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẦN PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Hải Âu

